

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 275; Điều 375; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc: “tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: ông Phạm Thanh B, sinh năm 1954.

Nơi thường trú: thôn 12, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: anh Bùi Văn T, sinh năm 1968 và chị Hoàng Thị N, sinh năm 1970.

Đều có nơi thường trú: số nhà 48, đường N, thôn 10B, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ gốc: anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị N đều xác định còn nợ ông Phạm Thanh B số tiền nợ gốc là: 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng).

- Về phương án trả nợ: ông Phạm Thanh B và anh Bùi Văn T, chị Hoàng Thị N thống nhất, thỏa thuận phương án trả nợ như sau: ngày 20/7/2022 anh T và chị N phải trả cho ông B số tiền nợ gốc là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Hằng quý (03 tháng một lần) vào ngày cuối cùng của mỗi quý kể từ tháng 08/2022 anh T và chị N phải trả cho ông B số tiền nợ gốc là: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu anh T và chị N vi phạm ở bất kỳ, kỳ trả nợ nào thì ông B có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ lại và phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: ông Phạm Thanh B là người cao tuổi, thương bệnh binh và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị N phải nộp 2.375.000đ (hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương